TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **172**/2025/HC-PT
Ngày: 14/11/2025
V/v: "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**
ông **Phạm Tồn**

***- Thư ký phiên tòa*:** bà **Trịnh Thị Hằng**, Thẩm tra viên chính Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Phạm Thị Nguyệt Minh**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 51/2025/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2025/HC-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969

Địa chỉ: thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã P, tỉnh Khánh Hòa).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng T, sinh năm 1962; địa chỉ: 2 đường T, khu phố D, phường P, thành phố P T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường P, tỉnh Khánh Hòa); có mặt.

- Người bị kiện: **Chủ tịch** Ủy ban nhân dân huyện N

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Khánh Hoà.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đàng Năng T1, chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Ngô Đức H, chức vụ: Phó trưởng Phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân xã P; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị V, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã P, tỉnh Khánh Hòa); vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã P

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Khánh Hoà;

Người đại diện theo pháp luật: ông Đàng Năng T1, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Ngô Đức H; chức vụ: Phó trưởng Phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân xã P; có mặt.

* *Người kháng cáo*: người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2024, Biên bản đối thoại ngày 09 tháng 4 năm 2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện - ông Nguyễn Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - ông Đặng T trình bày:

Về nguồn gốc đất: năm 2000, ông Đ và vợ là bà Trần Thị V có sang nhượng đất xấu của ông Nguyễn Ngọc H1 cùng cư ngụ thôn N, xã P, đến năm 2004, ông Đ được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc đó, cận phía tây của đất là đất ruộng ông Huỳnh Văn T2 và ông Huỳnh Hữu T3, vợ chồng ông Đ thuê máy ủi, thuê bò san bằng cải tạo đất, trong quá trình cải tạo và sản xuất, ông T2 và ông T3 không ý kiến khiếu nại gì. Đến năm 2011, ông T2 sang nhượng đất ruộng này cho ông Trịnh Thanh L và ông L đồng ý tứ cận như trên và ông có sổ đỏ năm 2011. Đến nay đã 23 năm vợ chồng ông bà sản xuất trồng cây ăn trái ổn định không có tranh chấp.

Tháng 3/2024 có đơn tố cáo khiếu nại ông Đ lấn chiếm đường đi giữa đất của gia đình ông và đất ông Trịnh Thanh L. Ngày 14/3/2024, UBND xã P có tổ chức một buổi họp vận động tuyên truyền các hộ dân trả lại đường đi do các hộ dân lấn chiếm. Tại buổi họp này, ông Đ trình giấy tờ hợp pháp chứng minh giữa đất của ông và đất ông L không có đường đi (sổ đỏ và giấy viết tay mua bán đất). Mốc giới giữa đất ông Đ và đất ông L không di dời được, vợ chồng ông L xác nhận. Ủy ban nhân dân xã P xác minh độc lập các hộ dân lân cận là không có đường đi.

Trên đất ông L có đường đi là do ông T2 sang nhượng đất ruộng 2 lần, lần đầu ông bán nửa thửa và ông để đường đi vào nửa thửa còn lại, nhưng sau một năm ông sang nhượng hết.

Ngày 17/6/2024, ông Đ nhận Quyết định số 705/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND huyện N, buộc ông thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ông không biết mình vi phạm gì, không có Biên bản vi phạm hành chính, không có Quyết định phạt hành chính mà ông nhận ngay Quyết định buộc tháo gỡ.

Ngoài ra, quyết định còn buộc ông trả lại 471m² đất dư ra so với sổ đỏ của ông và trả lời là do ông lấn chiếm mà có. Trong khi đó ông không biết đất ông thừa diện tích và cũng không lấn chiếm đường đi vì ông không tự đo đất và làm sổ đỏ cho mình. Diện tích 471m^2 do ông nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Ngọc H1 vào năm 2004, diện tích này là một phần của thửa đất 124, tờ bản đồ số 35 tại xã P, huyện N. Do quá trình làm GCNQSDĐ bị thiếu sót, ông không kiểm tra lại nên phần đất này nằm ngoài GCNQSDĐ hiện nay. Căn cứ trong Giấy chuyển nhượng giữa ông và ông Nguyễn Ngọc H1 thì diện tích 471m^2 này phía Tây giáp với thửa đất 80, 125 (đất ruộng), diện tích này không có trong GCNQSDĐ. Trên diện tích 471m^2 có các tài sản sau: 01 chuồng bò xây dựng năm 2006, 10 cây dừa 15 năm tuổi, 01 nhà kho 20m^2 xây dựng năm 2019. Thời điểm ông Đ xây dựng không có ai tranh chấp và không bị cơ quan nào xử phạt vi phạm hành chính.

Ông Đ đã khiếu nại Quyết định số 705/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND huyện N buộc ông thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 giải quyết bác khiếu nại của ông.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện N.

- Hủy Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Trần Thị V*:* đồng ý với lời trình bày của ông Nguyễn Văn Đ và không bổ sung thêm.

Chủ tịch UBND huyện N **đã có Công văn số 385/UBND-NC ngày 17 tháng 01 năm 2025 trình bày ý kiến. Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch** UBND huyện N **trình bày:**

Thực hiện Thông báo số 02/TB-UBND ngày 04/01/2024 của UBND huyện N về kết luận của đồng chí Ngô K - Phó Chủ tịch phụ trách điều hành UBND huyện tại buổi tiếp công dân định kỳ ngày 02/01/2024, trường hợp của ông Trịnh Thanh L và ông Nguyễn Văn L1, UBND xã P đã tiến hành tổ chức xác minh giải quyết theo nội dung Đơn phản ánh giải, quyết đường đi của ông Nguyễn Văn L1 và ông Trịnh Thanh L, tại thôn N, xã P, kết quả:

Ông Trịnh Thanh L và ông Nguyễn Văn L1 có đơn yêu cầu khôi phục lại đường đi được kẹp giữa các thửa đất số 124 do ông Nguyễn Văn Đ đang sử dụng, thửa đất số 80 do ông Nguyễn Văn L1 đang sử dụng và thửa đất số 125-125a do ông Trịnh Thanh L đang sử dụng, cùng tờ bản đồ số 35, theo bản đồ địa chính tại vị trí được kẹp giữa các thửa trên có thể hiện đường đi với chiều rộng 5,5m, chiều dài 83m.

Ngày 10/01/2024, UBND xã có buổi làm việc với ông Nguyễn Ngọc H1 (chủ sử dụng đất chuyển nhượng cho ông Đ năm 2000) và ông Huỳnh Hữu T3 (chủ sử dụng đất liền kề từ năm 2002 trở về trước, trước khi chuyển nhượng cho người khác), tại buổi làm việc 02 ông đều cho rằng là có đường đi. Căn cứ pháp lý và các văn bản tài liệu, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 705/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2024 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện N, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Văn Đ, địa chỉ thôn N, xã P, huyện N.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5006103 do UBND huyện N cấp ngày 29/4/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ tại thửa đất số 124, diện tích 3.450m², tờ bản đồ số 35, xã P. Tuy nhiên qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Đ thì hiện nay hộ ông Đ lấn gần hết phần diện tích đường đi.

Qua làm việc với hộ ông Nguyễn Văn Đ đề nghị trả lại đường đi nhưng hộ ông Đ không đồng ý nên UBND xã P lập hồ sơ giải quyết vụ việc theo quy định, cụ thể: UBND xã P lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 03 tháng 4 năm 2024 hành vi vi phạm hành chính lấn đất phi nông nghiệp do UBND xã P quản lý (đất giao thông) với diện tích vi phạm là 471m² (theo số liệu tại trích lục số 2584/2023 ngày 12/12/2023 do Văn phòng Đ1 - Chi nhánh N lập), cụ thể hiện trạng: trên đất có 08 cây dừa đang thu hoạch, 02 cây dừa chưa thu hoạch, 01 cây me đang thu hoạch và 01 căn nhà xây táp lô với diện tích 27m²; vi phạm quy định tại: điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Trên cơ sở đó, UBND xã P đề nghị UBND huyện ban hành Quyết định buộc khắc phục hậu quả thuộc thẩm quyền. Theo đó, việc Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 705/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2024 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hộ ông Nguyễn Văn Đ là đúng theo quy định.

Không đồng ý với Quyết định số 705/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2024 về việc Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, hộ ông Nguyễn Văn Đ khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện. Và được Chủ tịch UBND huyện ra quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

UBND xã P **trình bày tại Công văn số 61/UBNSD-NC ngày 17 tháng 3 năm 2025. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông** Ngô Đức H **- người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch** UBND xã P **trình bày:**

Xuất phát từ việc ông Trịnh Thanh L và ông Nguyễn Văn L1 có đơn yêu cầu khôi phục lại đường đi kẹp giữa các thửa 124 do ông Nguyễn Văn Đ sử dụng với thửa 80 do ông Nguyễn Văn L1 sử dụng và các thửa 125, 125a do ông Trịnh Thanh L đang sử dụng. Đường đi này theo bản đồ địa chính có chiều rộng 5,5m, chiều dài 83m. Ngày 10/01/2024, UBND xã có buổi làm việc với ông Nguyễn Ngọc H1 là chủ sử dụng đất đã chuyển nhượng cho ông Đ năm 2000 và ông Huỳnh Hữu T3 chủ sử dụng đất liền kề từ năm 2002 trở về trước, trước khi chuyển nhượng cho người khác. Ông H1, ông T3 đều cho rằng có đường đi nhưng để vận chuyển lúa từ gò sân này đến gò sân kia, hiện tại phía Đông có con đường nội đồng là đường chính được kết nối từ tỉnh lộ 708 đến vùng ruộng Cà Nhách và khi hai ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khoảng 01 năm đến 02 năm sau ông Đ mở rộng diện tích và rào bao sử dụng trồng nông nghiệp từ đó cho đến nay.

Ngày 23/02/2024, UBND xã ban hành Báo cáo số 37/ BC- UBND về việc xác minh theo đơn yêu cầu khôi phục đường đi của ông L và ông L1, xác định ông Đ lấn phần đất theo bản đồ địa chính năm 1996 thể hiện là khoảng trống, không ghi cụ thể loại đất nào. Phần đất ông Đ lấn có diện tích 471m^2 thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 35 thôn N xã P, theo kết quả đo đạc tại Trích lục số 2584/2023 ngày 12/12/2023 của Văn phòng Đ1 - Chi nhánh N. Đất ông Đ lấn được xác định là đất phi nông nghiệp (đường đi) theo Báo cáo số 319/BC- STNMT ngày 29/02/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N.

UBND xã đã nhiều lần tổ chức cuộc họp mời ông Đ, bà V để tuyên truyền chính sách về đất đai và yêu cầu khôi phục lại đường đi vào các ngày 02/10/2023 và ngày 14/3/2023, tại các cuộc họp ông Đ vắng mặt, bà V không đồng ý giao trả lại đất. Ngày 20/3/2024, UBND xã đã lập biên bản kiểm tra hiện trường tại khu vực đất ông Đ lấn.

Ngày 03/4/2024, UBND xã đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC, xác định diện tích lấn đất vi phạm 471m^2 đất thuộc tờ bản đồ số 35 tại thôn N, vi phạm điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hiện trạng trên đất có một số cây trồng và nhà xây táp lô. Theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, UBND xã P đã chuyển hồ sơ để Chủ tịch UBND huyện N xử lý theo thẩm quyền.

Ông Nguyễn Ngọc H1 **trình bày:**

Cha vợ ông có 01 thửa đất cà giang, nay là thửa số 124, tờ bản đồ số 35 xã P, năm 1992 ông nhận chuyển nhượng thửa đất này, cải tạo đất và canh tác đến năm 2000 ông chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ. Khi ông chuyển nhượng thì đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phía sau thửa đất của ông có một cái đường đi bề ngang khoảng hơn ba mét (xe công nông Liên Xô đi lọt), dài hết thửa đất, đường đi này nối giữa 2 sân rơm của hợp tác xã, bà con đi lại chở rơm, chở lúa. Ngay cả khi ông Đ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đường đi này vẫn tồn tại: theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ thì phần đường đi này nối giữa thửa 81 và thửa số 140.

Đường đi này đã tồn tại ngay khi cha ông vẫn còn là chủ thửa đất. Do đất của ông không rào giậu gì phía sau nhưng đường đi này ai cũng biết, bà con vẫn tự do đi lại. Ông khẳng định đường đi này là lối đi công cộng, không phải là đất của ông và khi chuyển nhượng ông không chuyển nhượng cho ông Đ phần lối đi này. Tiếp giáp với lối đi này là hai thửa 80 và 125.

Ông Trịnh Thanh L **và ông** Nguyễn Văn L1 **trình bày:**

Ông L là chủ sử dụng thửa đất số 125, tờ bản đồ số 35 thuộc xã P, ông L1 là chủ sử dụng thửa số 80, tờ bản đồ số 35 thuộc xã P. Ông L1 nhận chuyển nhượng thửa đất số 80 vào năm 2018. Hai ông đều đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiếp giáp với thửa đất 125 và thửa số 80 là một đường đi bề ngang khoảng 04 mét dài hết thửa đất số 124, đường đi này nối giữa 2 sân rơm của hợp tác xã, bà con đi lại chở rơm, chở lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và cấp cho ông Huỳnh Thanh L2 cũng như ông Nguyễn Văn L1 thì phần đường đi này nối giữa thửa 81 và thửa số 140, phần đất này là đất công cộng, do nhà nước quản lý, là lối đi chung của bà con.

Gần đây ông Nguyễn Văn Đ đã tự ý rào luôn cả lối đi này, gây trở ngại việc đi lại của bà con, khi ông Đ làm hàng rào thì các ông không biết. Khi ông L2 và ông L1 phát hiện sự việc, các ông đã làm đơn đến UBND xã P yêu cầu ông Đ trả lại lối đi chung và ông Đ đã bị UBND huyện N xử lý về hành vi chiếm đất. Hiện ông Đ vẫn chưa tháo dỡ hàng rào và vẫn cản trở việc đi lại của mọi người, đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2025/HC-ST ngày 30/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định: căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính Luật Đất đai 2024; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012đổi, bổ sung năm 2020); Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy Ban T4 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn Đ.

Ngoài ra, Toà án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/6/2025, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ là ông Đặng Thân G nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 05/6/2025, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của ông Đ trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 05/11/2024, ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn Đ; Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, xác định đúng đối tượng khởi kiện và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung: xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

[2.1]. Đối với Quyết định 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận:

Xuất phát từ việc ông Trịnh Thanh L và ông Nguyễn Văn L1 có đơn yêu cầu khôi phục lại đường đi kẹp giữa các thửa đất số 124 do ông Nguyễn Văn Đ sử dụng với thửa đất số 80 do ông Nguyễn Văn L1 sử dụng và các thửa đất số 125, 125a do ông Trịnh Thanh L đang sử dụng. Trên cơ sở xác minh, kiểm tra, ngày 23/02/2024, Ủy ban nhân dân xã P ban hành Báo cáo số 37/BC- UBND về việc xác minh theo đơn yêu cầu khôi phục đường đi của ông L và ông L1; đồng thời xác định ông Đ lấn phần đất theo bản đồ địa chính năm 1996 thể hiện là khoảng trống, không ghi cụ thể loại đất nào. Theo Trích lục số 2584/2023 ngày 12/12/2023 của Văn phòng Đ1 - Chi nhánh N và Báo cáo số 319/BC- STNMT ngày 29/02/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N thì phần đất ông Đ lấn có diện tích 471m^2 thuộc thửa đất số 124 tờ bản đồ số 35 tại thôn N, xã P là đất phi nông nghiệp (đường đi) và không nằm trong phần diện tích ông Đ được cấp giấy chứng nhận.

Người khởi kiện cho rằng nguồn gốc diện tích 471m^2 đất là do vợ chồng ông nhận sang nhượng từ ông Nguyễn Văn H2 cùng với phần diện tích đất thuộc thửa 124, tờ bản đồ số 35, diện tích 3.450m^2 vào năm 2000 bằng giấy viết tay; sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông đã cải tạo, trồng cây trên đất và sử dụng ổn định từ năm 2001. Tuy nhiên, người làm chứng ông Nguyễn Văn H2 (người chuyển nhượng đất cho ông Đ) trình bày: năm 2000, ông chuyển nhượng thửa cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, khi chuyển nhượng đất chưa có giấy chứng nhận. Phía sau thửa đất có một cái đường đi bề ngang khoảng hơn ba mét (xe công nông Liên Xô đi lọt) dài hết thửa đất, đường đi này nối giữa 2 sân rơm của hợp tác xã, bà con đi lại chở rơm, chở lúa. Ngay cả khi ông Đ làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đường đi này vẫn tồn tại, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ thì phần đường đi này nối giữa thửa 81 và thửa số 140. Đường đi này đã tồn tại ngay khi cha ông H2 vẫn còn là chủ thửa đất. Đất của ông H2 không rào giậu gì phía sau nhưng đường đi này ai cũng biết, bà con vẫn tự do đi lại. Ông H2 khẳng định đường đi này là lối đi công cộng, không phải là đất của ông và khi chuyển nhượng, ông không chuyển nhượng cho ông Đ phần lối đi này, tiếp giáp với lối đi này là hai thửa 80 và 125.

Quá trình giải quyết vụ án, lời khai của những người làm chứng khác là ông Nguyễn Thanh L3 và ông Nguyễn Văn L1 (người sử dụng đất liền kề hộ ông Đ) phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Văn H2. Ông L3 là chủ sử dụng thửa đất số 125, tờ bản đồ số 35, thuộc xã P; ông L1 nhận chuyển nhượng vào năm 2018 và là chủ sử dụng thửa số 80, tờ bản đồ số 35, thuộc xã P. Cả hai ông đều đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiếp giáp với thửa số 125 và thửa số 80 là một đường đi, bề ngang khoảng 04 mét dài hết thửa đất số 124, đường đi này nối giữa 2 sân rơm của hợp tác xã, bà con đi lại chở rơm, chở lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và cấp cho ông Huỳnh Thanh L2 cũng như ông Nguyễn Văn L1 thì phần đường đi này nối giữa thửa 81 và thửa số 140,

phần đất này là đất công cộng, do nhà nước quản lý, là lối đi chung của bà con. Gần đây ông Nguyễn Văn Đ đã tự ý rào luôn cả lối đi này, gây trở ngại việc đi lại của bà con, ông L2 và ông L1 phát hiện sự việc, các ông đã làm đơn đến UBND xã P yêu cầu ông Đ trả lại lối đi chung.

Ngày 03/4/2024, Ủy ban nhân dân xã P kiểm tra hiện trạng tại thực địa đất bị lấn chiếm và tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC với nội dung: ông Đông lấn diện tích 471m^2 đất thuộc tờ bản đồ số 35 tại thôn N. Quá trình xác minh, ông Đ, bà V thừa nhận đã sử dụng diện tích 471m^2 đất từ năm 2001 đến nay.

Như vậy, có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn Đ đã lấn chiếm diện tích 471m^2 đất thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 35 tại thôn N, xã P là đất phi nông nghiệp (đường đi) do UBND xã P trước kia quản lý từ năm 2001. Tính từ thời điểm có hành vi vi phạm (năm 2001) cho đến ngày lập biên bản vi phạm hành chính thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, sửa đổi bổ sung điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2024, buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn Đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc hủy Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 nêu trên là có cơ sở.

[2.2]. Đối với Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận:

Do không đồng ý với Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N nêu trên, ông Đ khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N với nội dung: diện tích 471m^2 đất là do vợ chồng ông Đ nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn H2 vào năm 2000, ông không lấn chiếm đất đường đi. Do đó, ông yêu cầu huỷ Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N đã thụ lý giải quyết khiếu nại, tổ chức đối thoại, thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại của ông Đ. Tại báo cáo số 46/BC-TXM ngày 23/10/2024 của Tổ xác minh thể hiện ông Đ đã có hành vi lấn diện tích 471m^2 đất đường đi do Ủy ban nhân dân xã P quản lý, vi phạm điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đã quá thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Trên cơ sở Báo cáo số 46/BC-TXM ngày 23/10/2024 của Tổ xác minh, ngày 25/10/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1308/QĐ-UBND, bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Như nhận định tại mục **[2.2.1]** nêu trên của bản án, Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N được ban hành đúng quy định của pháp luật nên tại Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 25/10/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 là có cơ sở. Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc huỷ Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 là có cơ sở, đúng quy định.

[3]. Từ các phân tích trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ mà giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Đ phải chịu theo quy định.

[5]. Quyết định của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2025/HC-ST ngày 30/5/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà).

2. Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005899 ngày 12/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà). Ông Đ đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần chi phí tố tụng, án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT IV - TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên